TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/HNGĐ
Ngày: 08-8-2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm N dân:

Ông **Nguyễn Văn Bé;**

Bà **Trang Thị Cẩm Nhuần**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Minh Châu**- Thư ký Tòa án N dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án N dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/TLST–HNGĐ ngày 31-5-2024; về việc "Tranh chấp ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11-7-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 24-7-2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Kim Thị Na R, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp B V, xã N T, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Sơn Thái N, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp G T, xã T N, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Kim Thị Na R trình bày:

Năm 2002, chị kết hôn với anh Sơn Thái N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã N T, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình sống chung chị với anh N có 02 con chung tên Sơn Thái K, sinh ngày 30/11/2003 và Sơn Bùi Minh Q, sinh ngày 03/01/2007 đã thành niên.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên N xin ly hôn: Vợ chồng sống chung thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng cho nhau nhiều cơ hội để hàn gắn quay về đoàn tụ nhưng không được, chị xác định mục đích hôn N không đạt được, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn thương và quý trọng nhau, chị với anh N không còn sống chung từ tháng 01 năm 2023 đến nay, không đoàn tụ được.

Nay chị Kim Thị Na R yêu cầu:

1. Về hôn N: Xin được ly hôn với anh Sơn Thái N.

2. Về con chung: Sơn Thái K, sinh ngày 30/11/2003 và Sơn Bùi Minh Q, sinh ngày 03/01/2007 đã thành niên, chị Na R không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh con (bản chính); Chứng minh nhân dân (photo); Bị đơn không có cung cấp chứng cứ.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh Sơn Thái N không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không tiến hành lấy lời khai của anh N được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Sơn Thái N có hộ khẩu tại huyện Tiểu Cần, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Chị Kim Thị Na R có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

Anh Sơn Thái N trong quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Kim Thị Na R với anh Sơn Thái N kết hôn vào năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N T, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị Na R với anh N là hợp pháp. Quá trình sống chung chị Na R cho rằng vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc chị với anh N không còn sống chung từ tháng 01 năm 2023 đến nay không hàn gắn đoàn tụ được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Na R là có cơ sở, bởi hôn nhân được xây dựng trên nền tảng của sự yêu thương, tôn trọng, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, điều này chứng tỏ mục đích hôn nhân của chị và anh N không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Na R được ly hôn với anh Sơn Thái N.

[3] *Về con chung:* Chị Kim Thị Na R khai chị với anh Sơn Thái N có 02 con chung tên Sơn Thái K, sinh ngày 30/11/2003 và Sơn Bùi Minh Q, sinh ngày 03/01/2007 đã thành niên, chị Na R không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung:* Chị Kim Thị Na R khai chị với anh Sơn Thái N không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Do Tòa án không làm việc được với anh Sơn Thái N để biết ý kiến của anh về tài sản chung giữa anh với chị Na R có hay không. Vì vậy, nếu sau khi ly hôn anh Sơn Thái N chứng minh được tài sản chung và có tranh chấp với chị Na R thì anh có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn với chị Na R.

[5] *Về nợ chung:* Chị Kim Thị Na R khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị Na R.

1. Về hôn nhân: Cho chị Kim Thị Na R được ly hôn với anh Sơn Thái N.

2. Về con chung: Sơn Thái K, sinh ngày 30/11/2003 và Sơn Bùi Minh Q, sinh ngày 03/01/2007 đã thành niên, nên chị Kim Thị Na R không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Kim Thị Na R khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Nếu sau khi ly hôn anh Sơn Thái N chứng minh có tài sản chung và có tranh chấp thì được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn với chị Kim Thị Na R.

4. Về nợ chung: Chị Kim Thị Na R khai không có, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Kim Thị Na R phải chịu 300.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002932, ngày 31-5-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Chị Kim Thị Na R đã nộp đủ án phí.

Anh Sơn Thái N khôngg phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã N T, huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bé – Trang Thị Cẩm Nhuần Dương Thị Mỹ Chấm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Nhung – Lê Thanh Bình Dương Thị Mỹ Chấm